CTCP SIMCO Sông Đà (HNX: SDA)

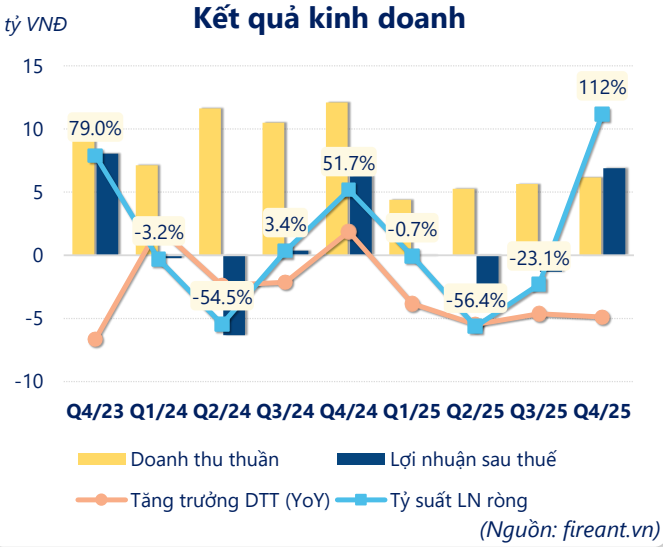
Ngày 31/12/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-17.9%	**-23.3%**	**-20.7%**

ROE (2025): 2.9% | +/- YoY ▲ 76.3%

	Q4/25	QoQ	YoY
DT thuần	6.17 tỷ VNĐ	▲ 0.53 ▲ 9.3%	▼ 5.93 ▼ 49.0%
LN gộp	0.48 tỷ VNĐ	▲ 0.05 ▲ 12.0%	▲ 1.17 ▲ 170%
LN thuần	6.88 tỷ VNĐ	▲ 7.95 ▲ 743%	▲ 1.37 ▲ 24.9%
LN sau thuế	6.88 tỷ VNĐ	▲ 8.18 ▲ 630%	▲ 0.63 ▲ 10.2%

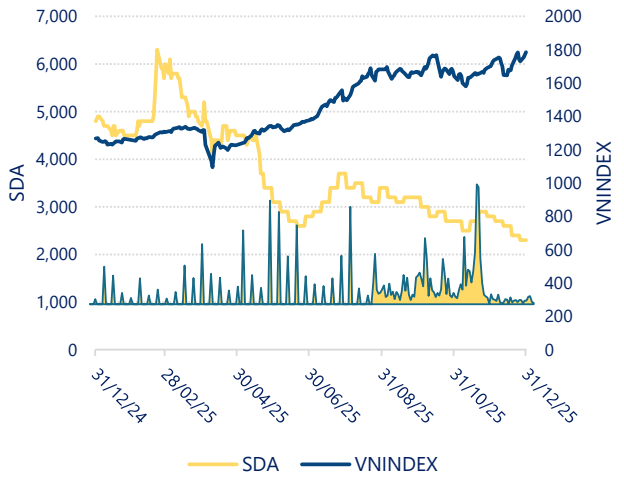
	2025	YoY
DT thuần	21.5 tỷ VNĐ	▼ 19.8 ▼ 48.1%
LN gộp	1.85 tỷ VNĐ	▲ 1.49 ▲ 420%
LN thuần	2.60 tỷ VNĐ	▲ 108 ▲ 102%
LN sau thuế	2.58 tỷ VNĐ	▲ 103 ▲ 103%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

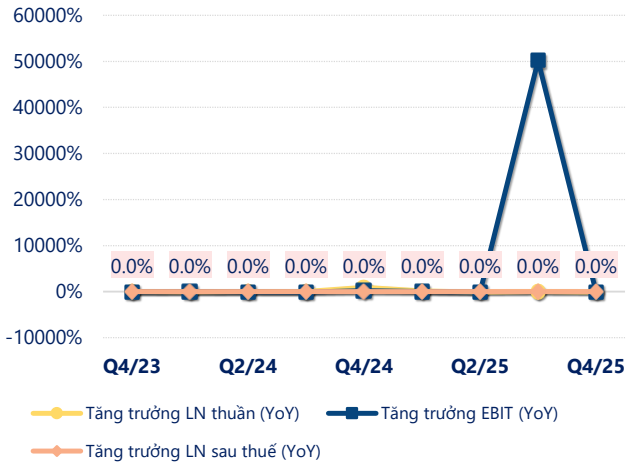


Powered by Infographic
https://fireant.vn/

CTCP SIMCO Sông Đà (HNX: SDA)

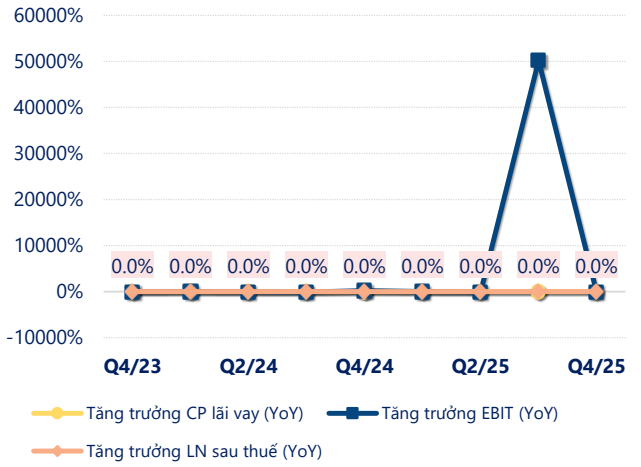
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



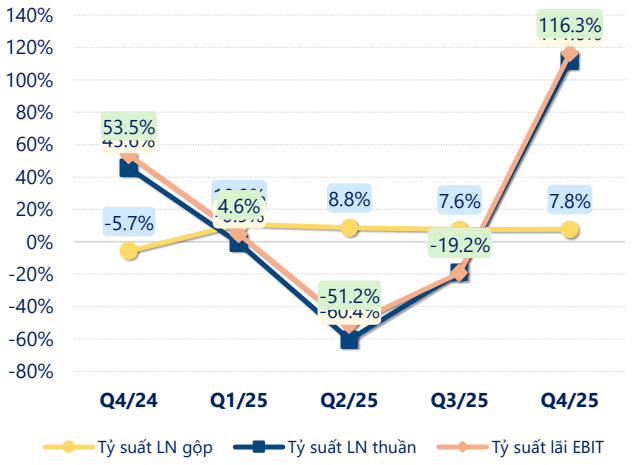
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



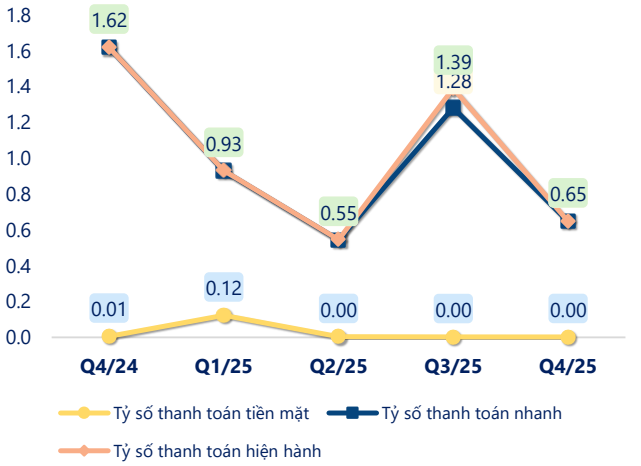
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



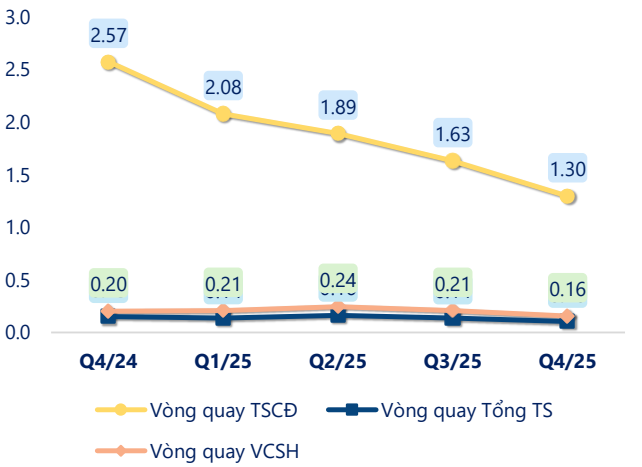
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



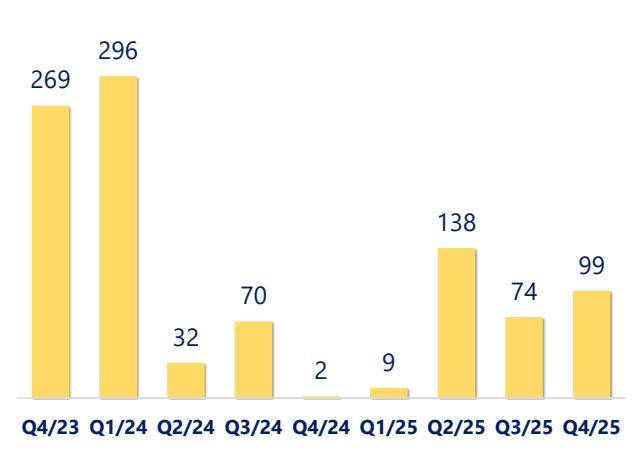
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

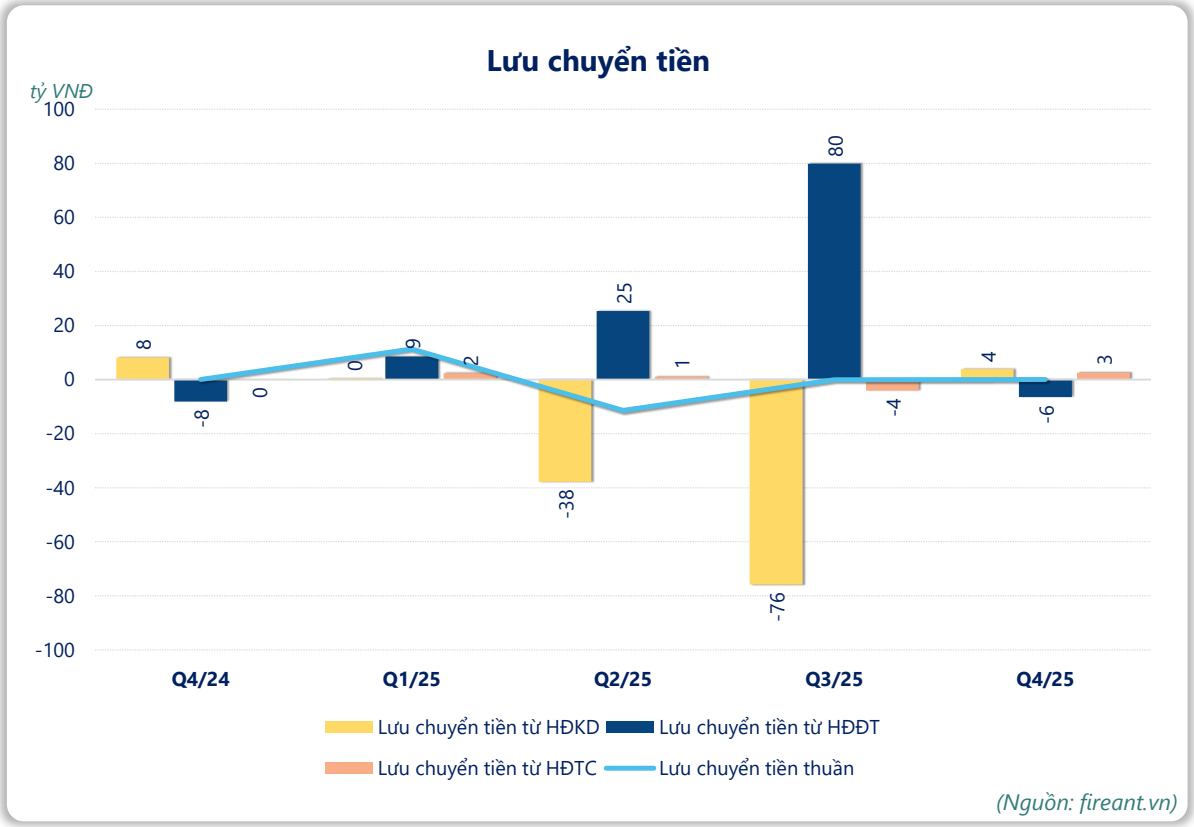


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP SIMCO Sông Đà (HNX: SDA)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6.17**	**12.1**	**-49.0%**	**21.5**	**41.3**	**-48.1%**
Giá vốn hàng bán	5.68	12.8	-55.6%	19.6	41.0	-52.1%
Lợi nhuận gộp	0.48	-0.69	170%	1.85	0.36	420%
Doanh thu HĐTC	0.11	0.72	-84.1%	1.13	0.42	172%
Chi phí TC	-73.7	-6.98	-956%	-36.0	31.6	-214%
Chi phí lãi vay	0.29	0.22	31.5%	1.01	0.68	49.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**67.4**	**1.50**	**4395%**	**36.4**	**73.8**	**-50.7%**
LN thuần từ HĐKD	6.88	5.51	24.9%	2.60	-105	102%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.74**	**-99.5%**	**-0.01**	**4.55**	**-100%**
LN trước thuế	6.88	6.25	10.2%	2.58	-100	103%
Lợi nhuận sau thuế	**6.88**	**6.25**	**10.2%**	**2.58**	**-100**	**103%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.88**	**6.25**	**10.2%**	**2.58**	**-100**	**103%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)